TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2017/DS-PT
Ngày 17/8 /2017.
V/v: "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Gia Lương.
Các Thẩm phán: Ông Lương Xuân Lộc.
Ông Nguyễn Như Hiển.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Nguyễn Đức Sơn- Kiểm sát viên trung cấp, tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 19/7 và 17/8/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2017/TLPT-DS ngày 28/4 /2017 về "Tranh chấp về chia di sản thừa kế ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2017/DS-ST ngày 17/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố BG bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 32/2017/QĐ-PT ngày 26/5/2017, quyết định hoãn phiên toà số: 52/2017/QĐ-PT ngày 28/6/2017, quyết định tạm ngừng phiên toà số: 22/2017/QĐPT-DS ngày 19/7/2017, giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn:

1.1. Ông Đào Gia K, sinh năm 1953. (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường NTL, phường TP, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang

1.2. Bà Đào Thị H, sinh năm 1955. (Có mặt)

Địa chỉ: phố ĐT, phường ĐK, quận HM, Hà Nội

1.3. Bà Đào Thị G, sinh năm 1960. (Vắng mặt)

Địa chỉ: tập thể KL, quận ĐĐ, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đào Gia K và bà Đào Thị G là bà Đào Thị H, sinh năm 1955. (có mặt)

Địa chỉ: phố ĐT, phường ĐK, quận HM, Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cho bà Đào Thị H**,** ông Đào Gia K và bà Đào Thị G: Ông Trần Văn A và ông Lê Văn Y - Luật sư Văn phòng luật sư DA, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (Luật sư A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Luật sư Y (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đào Tiến D, sinh năm 1963. (Có mặt)

Địa chỉ: đường NTL, phường TP, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ - Luật sư, Văn phòng luật sư CĐ, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Bích E, sinh năm 1968

Địa chỉ: đường NTL, phường TP, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

3.2. Ông Đào Gia T, sinh năm 1950. (Có mặt ngày 19/7, vắng mặt ngày 17/9/2017)

Địa chỉ: Công ty TNHH MA, xã ĐT, huyện HĐ, Hà Nội.

3.3. UBND thành phố BG, Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C - Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thành phố BG (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Ngoài ra còn có ông Tạ Đình P, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Xóm NC, thôn ĐT, xã TH, huyện TO, Hà Nội.

Là đồng Nguyên đơn và là người Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tạ Đình N, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn KK, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị.

2. Bà Tạ Thị M, sinh năm 1963.

3. Bà Tạ Thị B, sinh năm 1969.

4. Ông Tạ Văn H, sinh năm 1971.

5. Anh Tạ Quốc Đ, sinh năm 1979.

6. Chị Tạ Hương X, sinh năm 1990.

7. Chị Tạ Như Q, sinh năm 1995.

Đều địa chỉ: thôn ĐT, xã TH, huyện TO, Hà Nội.

Do không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên Toà án không triệu tập.

4. Người kháng cáo:

4.1. Ông Đào Gia K, bà Đào Thị H, bà Đào Thị G đồng nguyên đơn.

4.2. Ông Đào Tiến D - Là bị đơn.

5. Người kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/3/2016, bản tự khai và các lời khai tiếp theo các đồng nguyên đơn gồm:

1. Bà Đào Thị H trình bày: Bố bà là cụ Đào Gia S mất năm 1994, mẹ bà là cụ Tạ Thị R mất năm 2012. Bố mẹ bà có 5 người con chung là Đào Gia T, Đào Gia K, Đào Thị H, Đào Thị G, Đào Tiến D. Bố mẹ bà không có con nuôi. Ngoài ra, bố bà còn có 01 người con riêng là Đào Thị U mất khoảng năm 1996. Khi còn sống bố mẹ bà tạo dựng được khối tài sản chung là nhà đất, công trình phụ trên đất tại địa chỉ số nhà AA, đường NTL, phường TP, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang. Tháng 6/1994, bố mẹ bà lập một bản di chúc. Nội dung bản di chúc là khi một trong hai người chết thì người còn sống được toàn quyền sở hữu, sử dụng, các con không được thừa kế, không được đòi hỏi chia di sản thừa kế, không được chuyển nhượng. Sau khi bố bà chết, khoảng năm 2000, mẹ bà có làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đến tháng 02/2004 mẹ bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1977 bà xây dựng gia đình và ở chung cùng bố mẹ bà tại số nhà AA, đường NTL, phường TP, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang đến khoảng năm 1979 - 1980 mới ra ở riêng. Sau khi kết hôn vợ chồng ông K sống cùng bố mẹ bà khoảng hơn 10 năm mới ra ở riêng. Vợ chồng ông T không sống cùng với bố mẹ bà ngày nào. Ông D vẫn ở cùng bố mẹ bà từ nhỏ đến nay. Từ khoảng sau năm 1990, bố mẹ bà có sửa sang nhà ở tại số AA, đường NTL, phường TP, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang vài lần. Thời điểm sửa nhà là năm nào và sửa như thế nào thì bà không nhớ rõ. Thời điểm bố mẹ bà còn sống, bố mẹ bà đã cho ông K tiền mặt và một số đồ dùng. Ông K có cam kết là sau đó không được nhận bất cứ tài sản gì khác từ bố mẹ bà. Ngoài ra, bố mẹ bà chưa chia tài sản gì cho các anh em bà. Bà yêu cầu Tòa án xem xét về thời hiệu khởi kiện. Các anh em bà yêu cầu chia di sản thừa kế của mẹ bà là bà Tạ Thị R. Còn di sản là tài sản chung của ông S - bà R đã thực hiện theo di chúc. Di sản thừa kế của bà Tạ Thị R là nhà đất, công trình phụ trên đất tại địa chỉ số nhà AA, đường NTL, phường TP, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất chỉ có nhà ở

và công trình phụ, ngoài ra không có tài sản gì khác. Bà yêu cầu Tòa án chia đều di sản thừa kế của mẹ bà cho 5 anh em bà.

2. Ông Đào Gia K trình bày: Bố ông là cụ Đào Gia S, mẹ ông là cụ Tạ Thị R. Bố mẹ ông có 5 người con chung, bố ông có 1 người con riêng là Đào Thị U (đã mất). Bố ông mất khoảng năm 1994, mẹ ông mất năm 2012. Thời điểm bố ông chết có để lại di chúc cho mẹ ông. Khi mẹ ông chết không để lại di chúc. Thời gian chung sống, bố mẹ ông tạo dựng được khối tài sản là nhà đất tại số AA, đường NTL, P. Trần Phú, thành phố BG. Ông không nhớ rõ là ông chuyển ra ở riêng thời gian nào, nhưng lúc đó bố ông vẫn còn sống. Giấy xin đồ dùng để ra ở riêng năm 1989 là có. Khi vợ chồng ông chuyển ra ở riêng có mang theo những tài sản như trong Giấy xin đồ dùng để ra ở riêng là đúng, cụ thể: 01 chiếc quạt bàn Nhật, 01 máy khâu phân hiệu PHẠP (Tây Đức), 01 tủ đứng cũ, 01 bàn, 01 phản nằm bằng gỗ Táu và một số vải dựng, lót, vải túi, 8.000 đồng và 30 chỉ vàng (3 cây vàng). Tuy nhiên, 3 cây vàng nhẫn không phải là vàng tinh luyện mà là vàng cám làm thành nhẫn, loại vàng rẻ nhất. Trong giấy có ghi ông đã mua nhà của ông O bật bông ở phường LL nhưng đó là ông nói dối gia đình để ra ở riêng, ông chưa mua được nhà, sau khi chuyển đi năm đó vợ chồng ông phải đi ở nhờ. Nhà ở tại số AB, đường NTL do vợ chồng ông mua sau khi ra ở riêng một năm. Những đồ dùng ông mang theo khi ra ở riêng không liên quan đến việc chia di sản thừa kế của mẹ ông. Ông D sống cùng với bố mẹ ông từ khi sinh ra đến nay. Chi phí để làm nhà trên đất khi bố mẹ ông còn sống do bố ông bỏ ra. Lúc đó bố ông đã xây được nhà 3 gian (phía trước, gian ở giữa và gian phía sau như hiện nay). Sau khi Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bố ông gia đình ông có cơi nới thêm một phần diện tích phía sau nhà (vốn là ao). Đến năm 2004 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho mẹ ông là cấp toàn bộ cả diện tích đã cơi nới. Nhà do bố mẹ ông xây đến nay vẫn còn (số AA, đường NTL), hiện do ông D sử dụng. Giá trị phần nhà do bố ông xây đến nay còn khoảng bao nhiêu thì ông không rõ. Ông ủy quyền cho bà Đào Thị H giải quyết vụ án. Ông đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của mẹ ông theo quy định pháp luật. Ông yêu cầu Tòa án xem xét về thời hiệu khởi kiện.

3. Bà Đào Thị G trình bày: Bà đề nghị chia di sản của mẹ bà, yêu cầu được nhận bằng tiền.

4. Ông Tạ Đình P là nguyên đơn và là đại diện theo ủy quyền của ông Tạ Đình N; bà Tạ Thị M; bà Tạ Thị B; ông Tạ Văn H; anh Tạ Quốc Đ; chị Tạ Như Q; chị Tạ Hương X trình bày: Các ông, bà là con và cháu của bà Đào Thị U (bà U là con riêng của cụ Đào Gia S). Các ông, bà yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ R làm 6 phần gồm: Đào Thị U; Đào Gia T; Đào Gia K; Đào Thị H; Đào Thị G; Đào Tiến

D. Ông được nhận bằng tiền. Ngày 02/06/2016 các ông, bà có đơn đề nghị với nội dung là anh chị em các ông, bà và hai cháu là con cháu của bà Đào Thị U đã họp bàn thống nhất xin từ chối không hưởng di sản thừa kế của cụ Tạ Thị R và xin vắng mặt tại các buổi H giải và xét xử của Tòa án. Ngày 11/01/2017, ông Tạ Đình P có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Đào Tiến D trình bày: Bố mẹ ông là cụ Đào Gia S, cụ Tạ Thị R. Ông là con út trong gia đình, sống cùng với bố mẹ và các anh chị từ nhỏ tại số nhà AA, đường NTL, phường TP, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang. Bố mẹ ông sinh được 05 người con gồm: Ông Đào Gia T, đi học và công tác xa nhà từ năm 1967; ông Đào Gia K, ở riêng từ năm 1989; bà Đào thị H, ở riêng từ năm 1977; bà Đào Thị G, ở riêng từ năm 1985. Sau khi các anh chị đi ở riêng, ông là con út ở cùng với bố mẹ ông, đến năm 1989 ông xây dựng gia đình với bà Nguyễn Bích E, hai vợ chồng ông chung sống với bố mẹ ông từ đó đến nay. Năm 1998 vợ chồng ông có xây dựng một số tài sản gắn liền với đất bao gồm 01 nhà ở giữa đất 02 tầng bê tông, đổ cột, diện tích sử dụng 120m^2; 01 nhà ở giữa đất 03 tầng, đổ bê tông, diện tích sử dụng 95m^2; các công trình phụ khác gồm nhà bếp, nhà vệ sinh...v.v. Ông yêu cầu Tòa án xem xét về thời hiệu khởi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Bích E trình bày: Bà nhất trí với ý kiến của ông D đã trình bày.

2. Ông Đào Gia T trình bày: Bố ông là Đào Gia S, mẹ ông là Tạ Thị R. Bố mẹ ông sinh được 05 người con. Ông sinh sống cùng với bố mẹ ông từ năm 1967, sau đó lấy vợ và sinh sống tại Hà Nội. Ông D là em trai ông ở cùng với bố mẹ ông, chăm sóc bố mẹ ông và lo hậu sự cho bố mẹ ông. Việc các em ông khởi kiện chia di sản thừa kế của mẹ ông để lại, ông không nhất trí. Nếu Tòa án chia theo qui định thì phần của ông, ông cho ông D.

3. Ông Phí Thanh B là đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố BG, sau này là ông Nguyễn Văn C là đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố BG giữ nguyên như ý kiến của ông Phí Thanh B trình bày: Ông Đào Gia S được Ủy ban hành chính thị xã BG cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 41/3A QLNĐ ngày 02/9/1977 (được sử dụng khoảng đất số 41.T.3A thuộc khu vực Quang Trung có chiều dài 25m chiều rộng 5m diện tích 125m^2). Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 thì thửa đất trên được thể hiện tại vị trí thửa đất số 28, tờ bản đồ số 11, diện tích 160,3m^2. Ngày 30/7/2001, bà Tạ Thị R có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất thửa đất trên. Căn cứ Điều 2, 3 Chương I, Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 110/1998/QĐ-UB ngày 11/8/1998 của UBND tỉnh Bắc Giang và Thông tư

số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Việc UBND thị xã BG (nay là thành phố BG) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Tạ Thị R tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 11, diện tích 160,3m^2 đất ở, địa chỉ thửa đất: Cụm QT, phường TP là đúng trình tự, thủ tục quy định.

Quá trình giải quyết vụ án bà H có đơn yêu cầu định giá tài sản: Kết quả thẩm định và định giá tài sản ngày 26/8/2016 của Hội đồng định giá cụ thể như sau:

I/ Đất ở đường NTL, vị trí 1:

Diện tích 160,3m^2 x 10.000.000 đồng/m^2 = 1.603.000.000 đồng

II/ Tài sản trên đất: Trị giá 489.765.000 đồng, cụ thể:

1. Nhà ở phía trước 02 tầng đổ trần, xây năm 1981; Nhà cấp 3, loại 3, tính 30%. Diện tích 49,1m^2 x 3.159.000đ/m^2 x 30% = 46.532.000đồng

2. Nhà ở xây năm 1988: 02 tầng đổ trần, cột bê tông, bán mái tôn và nhà lợp tôn tầng 3 trần nhựa

- Phần đổ trần: Áp nhà cấp 3, loại 2, tính 64%. Diện tích 168,9m^2 x 3.487.000đ/m^2 x 64% = 376.931.000đồng

- Phần lợp mái tôn, trần nhựa tầng 3: áp nhà cấp 4, loại 2, tính 40%. Diện tích 46,6m^2 x 2.025.000 đồng/m^2 x 40% = 37.746.000đồng

3. Công trình phụ đổ trần, xây năm 1994: Áp giá nhà cấp 3, loại 3, tính 40%. Diện tích 16,6 m^2 x 3.159.000 đồng/m^2 x 40% = 20.976.000đồng

4. Phần bán mái lợp tôn, xà gồ thép tính 50%. Diện tích 25,1m^2 x 604.000 đồng/ m^2 x 50% = 7.580.000đồng

Tổng cộng: 2.092.765.000đồng.

Giá chuyển nhượng thực tế tại địa phương đối với đất là 25.000.000đồng/m^2.

Bà Đào Thị H không đồng ý với kết quả chuyển nhượng thực tế tại địa phương đối với đất và yêu cầu định giá lại. Tại kết quả định giá lại tài sản ngày 06/10/2016. Hội đồng định giá thống nhất giá chuyển nhượng đất thực tế tại địa phương là 25.000.000 đồng/1m^2 .

Tại phiên tòa sơ thẩm ông K, bà H và đại diện theo ủy quyền của bà G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của mẹ ông bà để lại gồm nhà đất tại số nhà AA, đường NTL, phường TP, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang diện tích đất là 160,3m^2 cho 5 người con và yêu cầu được nhận bằng tiền.

Bị đơn ông Đào Tiến D trình bày: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, bà H, bà G vì tài sản các ông bà yêu cầu chia mẹ ông là cụ Tạ Thị R khi còn sống đã cho ông, khi cho mẹ ông chỉ nói miệng không viết thành văn bản.

Bà Nguyễn Bích E trình bày: Bà kết hôn với ông D năm 1989, sau khi kết hôn bà về chung sống cùng với bố mẹ chồng đến nay. Mọi việc trong gia đình khi bố mẹ chồng bà chết vợ chồng bà đứng ra lo và chăm sóc khi bố mẹ chồng khi ốm, tiền bỏ ra làm nhà và sửa nhà là của vợ chồng. Bà không yêu cầu Tòa án xem xét công sức duy trì và tân tạo tài sản của bố mẹ chồng bà trong vụ án này.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K trình bày: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Tạ Thị R cho 5 người con, và ông K được nhận bằng tiền

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, đề nghị Tòa án xác định diện tích đất 160,3m^2 mà các đồng thừa kế yêu cầu chia là tài sản chung của ông D và cụ R, chấp nhận chia thừa kế diện tích đất 80,15m^2 là di sản thừa kế của cụ R để lại, yêu cầu chia cho 5 người con và xem xét đến công sức đóng góp của bà Nguyễn Bích E.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2017/DSST ngày 17/3/2017 của Toà án nhân dân thành phố BG đã quyết định:

Áp dụng khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 218; Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 214; Điều 215; Điều 674; 675; 676 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Đào Gia K; bà Đào Thị H; bà Đào Thị G

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Tạ Thị R gồm: ông Đào Gia T; ông Đào Gia K; bà Đào Thị H; bà Đào Thị G; ông Đào Tiến D.

3. Xác định di sản thừa kế của cụ Tạ Thị R để lại là diện tích đất 136,76m^2 tại số AA, đường NTL, phường TP, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang và trị giá tài sản trên đất là 163.255.000 đồng. Tổng giá trị di sản thừa kế là 3.582.255.000 đồng

4. Giao cho ông Đào Tiến D được sở hữu nhà và đất tại số AA, đường NTL, phường TP, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang. Ông D phải trích chia cho ông Đào Gia K; bà Đào Thị H; bà Đào Thị G mỗi người 716.451.000 đồng (Bảy trăm mười sáu triệu bốn trăm lăm mốt nghìn đồng)

5. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Đình P về chia di sản của cụ Tạ Thị R.

6. Tạm giao cho ông Đào Tiến D quản lý phần thừa kế của ông Đào Gia T.

7. Về án phí: ông Đào Gia K; bà Đào Thị H; bà Đào Thị G; ông Đào Tiến D mỗi người phải chịu 32.658.040 đồng án phí DSST.

Xác nhận ông K, bà H, bà G đã nộp mỗi người 14.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2010/003057 ngày 21/4/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG. Ông Đào Gia K; bà Đào Thị H; bà Đào Thị G mỗi người còn phải nộp 18.658.040 đồng án phí DSST

Hoàn trả ông Tạ Đình P số tiền 14.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2010/003057 ngày 21/4/2016 tại Chi cục Thi hành án thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí định giá tài sản, lãi suất chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 30/3/2017 ông Đào Gia K, bà Đào Thị H, bà Đào Thị G (do bà Đào Thị H là người đại diện theo ủy quyền của bà G) là đồng nguyên đơn kháng cáo, ngày 03/4/2017 ông K, bà H, bà G nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Nội dung kháng cáo không nhất trí với quyết định của Toà sơ thẩm đối với diện tích đất 35,3m^2 là tài sản chung của cụ Tạ Thị R, ông Đào Tiến D, bà Nguyễn Bích E mà tài sản này di sản thừa kế của bố mẹ các ông bà, đề nghị toà phúc thẩm chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Toà sơ thẩm xác định toàn bộ tài sản có trên đất là tài sản chung của cụ Tạ Thị R, ông Đào Tiến D, bà Nguyễn Bích E là không đúng vì toàn bộ tài sản có trên đất phần lớn là của bố mẹ các ông bà xây dựng tạo lập. Ông D, bà E chỉ sửa chữa, tôn tạo một phần. Đề nghị Toà phúc thẩm xác định tài sản có trên đất là di sản thừa kế và chia theo quy định của pháp luật. Đề nghị xem xét lại giá đất, Toà sơ thẩm giải quyết theo mức 25.000.000đồng/m^2 là quá thấp.

Ngày 29/3/2017 ông Đào Tiến D là bị đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Nội dung kháng cáo Toà sơ thẩm áp dụng Điều luật không đúng đối với trường hợp chia di sản thừa kế theo hộ gia đình không áp dụng các Điều 116 BLDS năm 1995; Điều 108; Điều 634 BLDS năm 2005; Điều 212 BLDS năm 2015 là không đúng với bản chất vụ án. Xem xét lại các chứng cứ để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Tạ Thị R ngày 06/02/2004, mà tại phiên toà sơ thẩm ông đã trình bày là giả mạo (BL 159; 160; 165). Không triệu tập nhân chứng để làm rõ việc cụ Tạ Thị R đã đồng ý sát nhập tài sản vào tài sản của vợ chồng ông thành tài sản chung hợp nhất thuộc hộ gia đình và đã cho ông toàn bộ tài sản trước sự chứng kiến của những người làm chứng. Không làm rõ phần tài sản của bà Nguyễn Bích E (là vợ ông) được hưởng là bao nhiêu trong khối tài sản được phân chia di sản thừa kế.

Quyết định kháng nghị số: 07/2017/QĐKNPT-DS ngày 11/4/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang kháng nghị đối với bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2017/DS-ST ngày 17/3/2017 của Toà án nhân dân thành phố BG theo thủ tục

phúc thẩm. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm về nội dung liên quan đến phần di sản thừa kế của ông Đào Gia T được hưởng. Về phần giải quyết phần tài sản của ông D bà E và việc giải quyết án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đào Gia K, bà Đào Thị H, bà Đào Thị G (do bà Đào Thị H là người đại diện theo ủy quyền) là đồng nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, ông Đào Tiến D là bị đơn không rút kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không rút Quyết định kháng nghị. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K, bà H, bà G, Luật sư Trần Văn A trình bày: Toà sơ thẩm xác định 35,3m^2 đất và tài sản trên diện tích đất 160,3m^2 tại số nhà AA, đường NTL, phường TP, thành phố BG là tài sản chung hợp nhất của cụ R, ông D, bà E là không đúng mà phải xác định đây là di sản thừa kế của cụ R để lại để phân chia cho các đồng thừa kế theo pháp luật. Đối với giá trị đất mà Toà sơ thẩm định giá đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, nguyên đơn không đề nghị định giá lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D là bị đơn, Luật sư Nguyễn Văn Đ trình bày: Thửa đất diện tích 160,3m^2 tại số nhà AA, đường NTL, phường TP, thành phố BG cấp cho hộ bà Tạ Thị R vào năm 2004 là cấp cho hộ, tại thời điểm cấp gồm bà R, anh D nên không thuộc di sản thừa kế để chia cho các đồng thừa kế. Toà sơ thẩm chưa làm rõ công sức tu tạo duy trì tài sản của ông D, bà E trong khối di sản thừa kế đã giải quyết phân chia là không đúng quy định của pháp luật. Ông K đã được nhận các tài sản theo biên bản ngày 06/6/1989 có chữ ký của cụ S, cụ R và chữ ký của các đồng thừa kế nên ông K không được hưởng di sản thừa kế của cụ S,cụ R, Toà sơ thẩm xét xử vẫn chia cho ông K được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật là không có căn cứ và không đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Đào Gia K, bà Đào Thị H, bà Đào Thị G (do bà Đào Thị H là người đại diện theo ủy quyền).Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đào Tiến D. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang, sửa Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến phát biểu Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 19/7/2017 Toà án đưa vụ án ra xét xử theo trình tự phúc thẩm, sau khi nghị án xét thấy cần phải xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ mà nếu không thực hiện thì không thể giải quyết được vụ án và không thể thực hiện ngay được tại phiên toà. Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên toà và ấn định thời gian mở lại phiên toà vào hồi 7 giờ ngày 17/8/2017. Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại phiên toà ngày 19/7/2017. Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của UBND thành phố BG là ông Nguyễn Văn C - Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đại diện theo uỷ quyền của UBND thành phố BG.

Xét kháng cáo của ông Đào Gia K, bà Đào Thị H, bà Đào Thị G (do bà Đào Thị H là người đại diện theo ủy quyền) là đồng nguyên đơn, kháng cáo của ông Đào Tiến D là bị đơn, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang, Hội đồng xét xử thấy:

Cụ Đào Gia S và cụ Tạ Thị R sinh được 5 người con gồm: Ông Đào Gia T; ông Đào Gia K; bà Đào Thị H; bà Đào Thị G và ông Đào Tiến D, ngoài ra cụ Đào Gia S có một người con riêng là bà Đào Thị U. Cụ Đào Gia S chết ngày 19/7/1994, bà Đào Thị U là con riêng của cụ Đào Gia S chết ngày 28/04/1996, cụ Tạ Thị R chết ngày 21/3/2012. Trước khi cụ Đào Gia S chết, ngày 21/6/1994, cụ Đào Gia S và cụ Tạ Thị R có lập di chúc, nội dung bản di chúc: "...Chúng tôi mua lại ngôi nhà của anh Vũ Đình Đ năm 1970, từ đó tới nay vợ chồng chúng tôi đã xây lại nhà cửa gồm hai ngôi nhà: - Nhà thứ nhất gồm hai ô, ô một hai tầng mái đổ bê tông có diện tích 48m^2 (không kể ô văng - tính phủ bì tường) ô số 2 có diện tích 18m^2 cùng cầu thang xây phía ngoài; - Nhà thứ hai mái đổ bê tông có diện tích 25m^2 và một gác xép đổ bê tông có diện tích 10m^2. Ngoài hai ngôi nhà ở trên có các công trình phụ như: Nhà bếp, khu vệ sinh, sân v.v... Các công trình nhà ở (hai ngôi) và công trình phụ được xây dựng trên lô đất số 41T3A có diện tích 125m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thị xã BG cấp ngày 02/9/1977. Vậy chúng tôi viết bản di chúc này đề phòng khi chúng tôi đi thăm tổ tiên thì: 1) Giao cho anh Đào Gia T con trai cả lo việc tang lễ cho chúng tôi; 2) Toàn bộ tài sản nêu trên

(gồm cả hai ngôi nhà và công trình phụ trên đất đã nêu trên) giao lại cho một trong hai người (vợ hoặc chồng) còn lại được toàn quyền sở hữu để định doạt như: bán, cho v.v... các người con của chúng tôi không được quyền đòi hỏi quyền hưởng tài sản như chúng tôi đã nêu...". Bản di chúc cụ R, cụ S đều ký trước sự chứng kiến của công chứng viên và bản di chúc được công chứng chứng thực. Sau khi cụ S chết thì toàn bộ tài sản của cụ R, cụ S là do cụ R được hưởng. Do vậy bà Đào Thị U cũng như các ông Đào Gia T; ông Đào Gia K; bà Đào Thị H; bà Đào Thị G và ông Đào Tiến D không được hưởng phần di sản của cụ S. Cụ Tạ Thị R chết ngày 21/3/2012, khi chết không để lại di chúc nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ R gồm có: ông T, ông S, bà H, bà G và ông D.

Đối với kháng cáo của ông K, bà H, bà G (do bà H là người đại diện theo ủy quyền của ông K, bà G) không nhất trí với quyết định của Toà sơ thẩm đối với diện tích đất 35,3m^2 và tài sản có trên đất là tài sản chung của cụ Tạ Thị R, ông Đào Tiến D, bà Nguyễn Bích E mà tài sản này di sản thừa kế của bố mẹ các ông bà, đề nghị Toà phúc thẩm chia thừa kế theo quy định của pháp luật thì thấy: Cụ Đào Gia S và cụ Tạ Thị R tạo lập được khối tài sản bao gồm nhà và đất tại số AC, đường NTL, phường TP, thị xã BG, tỉnh Hà Bắc (Nay là số nhà AA, đường NTL, phường TP, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang). Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/9/1977 với diện tích 125m^2 (chiều dài 25m, chiều rộng 5m). Khi còn sống cụ Tạ Thị R được hưởng toàn bộ phần tài sản của cụ Đào Gia S để lại theo như bản di chúc ngày 21/6/1994. Ngày 06/02/2004 UBND thị xã BG cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Tạ Thị R, diện tích đất sử dụng là 160,3m^2. Tại Công văn số 19 ngày 12/7/2016 của Chi nhánh văn phòng ĐKĐĐ thành phố BG cung cấp cho biết: " Ngày 30/7/2001 bà Tạ Thị R có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất thửa đất trên... UBND thị xã BG cấp thửa 41/3A năm 1977 đề nghị duyệt cấp 160,3m^2 đất dôi dư trước năm 1980 (35,3m^2) không thu tiền đất ở, không có tranh chấp phù hợp với quy hoạch". Như vậy, diện tích đất 35,3m^2 có trước năm 1980 trước khi cụ S và cụ R lập di chúc nên xác định đây là di sản thừa kế của cụ R chết để lại.

Đối với tài sản trên đất, theo như di chúc cụ S và cụ R lập thì hai cụ tạo dựng được hai căn nhà, cùng công trình phụ mua từ năm 1970. Theo biên bản thẩm định và định giá tài sản ngày 23/8/2016 xác định: Nhà ở phía trước 2 tầng đổ trần xây năm 1981, diện tích 49,1m^2 trị giá 46.532.000đồng. Xét thấy ngôi nhà được xây dựng khi cụ S và cụ R còn sống nên phải xác định đây là di sản thừa kế của cụ S cụ R, do vậy chấp nhận một phần kháng cáo của ông K, bà H, bà G xác định đây là di sản thừa kế để phân chia.

Năm 1994 cụ S, cụ R lập di chúc các ông Đào Gia T, ông Đào Gia K, bà Đào Thị H, bà Đào Thị G đã xây dựng gia đình và ở riêng. Ở chung với cụ R có vợ chồng ông Đào Tiến D và bà Nguyễn Bích E. Từ năm 1989 và sau khi cụ S chết tháng 9/1994 trong thời gian chung sống cùng cụ R, ông D, bà E có sửa công trình phụ đổ trần diện tích 16,6m^2 trị giá 20.976.000đồng, xây lại nhà vào năm 1998: 01 nhà 2 tầng đổ trần cột bê tông, tầng 3 lợp tôn trần nhựa trị giá: 414.677.000đồng, làm bán mái lợp tôn xà gồ bằng thép trị giá: 7.580.000đồng, tổng là: 443.233.000đồng. Hội đồng xét xử xác định đây là tài sản thuộc sở hữu chung của 3 người gồm: Cụ R, ông D, bà E mỗi người được sở hữu: 147.744.000đồng, phần tài sản của cụ R là di sản thừa kế để lại được phân chia cho các đồng thừa kế.

Như vậy, di sản thừa kế của cụ Tạ Thị R chết để lại bao gồm: Thửa đất tại số AA, đường NTL, phường TP, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang, diện tích đất là 160,3m^2 trị giá: 4.007.500.000đồng, 01 nhà 2 tầng (xây dựng năm 1981) trị giá: 46.532.000đồng và 147.744.000đồng là tiền tài sản sở hữu chung hợp nhất của cụ R. Tổng giá trị di sản thừa kế của cụ Tạ Thị R là 4.201.766.000đồng.

Hội đồng xét xử thấy: Từ khi cụ S và cụ R chết cho đến nay, anh D và vợ là chị E có công sức duy trì, trông coi, bảo quản di sản thừa kế, do vậy sẽ trích cho vợ chồng anh D, chị E 800.000.000đồng (mỗi người 400.000.000đồng) chi phí cho việc bảo quản di sản thừa kế. Di sản thừa kế còn lại của cụ R là: 3.401.766.000đồng sẽ được chia đều cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm 5 người là: ông T, ông K, bà H, bà G, ông D, mỗi người được hưởng: 680.353.200đồng.

Đối với kháng cáo của ông Đào Tiến D cho rằng Toà sơ thẩm không áp dụng Điều 116 BLDS năm 1995 quy định về " Hộ gia đình"; Điều 108, Điều 634 BLDS năm 2005 quy định về "Tài sản chung của hộ gia đình " và " Di sản "; Điều 212 BLDS năm 2015 quy định về " Sở hữu chung của các thành viên gia đình" là không đúng với bản chất vụ án thì thấy: Đây là vụ án tranh chấp về chia di sản thừa kế, Toà sơ thẩm không viện dẫn các Điều luật trên làm căn cứ giải quyết vụ án không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này. Về nội dung xem xét lại các chứng cứ để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Tạ Thị R ngày 06/02/2004, mà tại phiên toà sơ thẩm ông đã trình bày là giả mạo thì thấy: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ cũng như lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố BG thì Ngày 30/7/2001, bà Tạ Thị R có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất thửa đất trên. Căn cứ Điều 2, 3 Chương I, Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 110/1998/QĐ-UB ngày 11/8/1998 của UBND tỉnh Bắc Giang và Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày

30/11/2001 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc UBND thị xã BG (nay là thành phố BG) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Tạ Thị R tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 11, diện tích 160,3m^2 đất ở, địa chỉ thửa đất: Cụm QT, phường TP là đúng trình tự, thủ tục quy định. Do vậy không có căn cứ chấp nhận đối với kháng cáo của ông D.

Đối với kháng cáo của ông D về việc không triệu tập nhân chứng để làm rõ việc cụ Tạ Thị R đã đồng ý sát nhập tài sản vào tài sản của vợ chồng ông thành tài sản chung hợp nhất thuộc hộ gia đình và đã cho ông toàn bộ tài sản thì thấy: Những nhân chứng của ông đưa ra gồm có bà Đỗ Thị LH và ông Khổng Văn DF, những người này đã có lời khai có trong hồ sơ vụ án (BL 350, 351) cho nên sự vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên kháng cáo về nội dung này của ông D không có căn cứ chấp nhận.

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc đối với kỷ phần thừa kế của ông Đào Gia T được hưởng, ông T cho ông Đào Tiến D. Xét thấy đây là sự tự nguyện của ông T không trái với pháp luật hoặc đạo đức xã hội. Do vậy cần chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát, sửa án sơ thẩm giao toàn bộ kỷ phần phần thừa kế của ông T trị giá là 680.353.200đồng cho ông D sở hữu.

Đối với kháng nghị của Viện kiếm sát cũng như kháng cáo của ông D đều cho rằng cần xác định rõ giá trị phần tài sản của ông D, bà E mỗi người là bao nhiêu. Toà sơ thẩm giao cho ông D sở hữu nhà đất tại số AA, đường NTL, phường TP, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang bao gồm cả phần tài sản của bà E nhưng không buộc ông D phải trích chia trả tiền cho bà E là không giải quyết hết các vấn đề trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy:

Diện tích đất 160,3m^2 trị giá 4.007.500.000đồng và tài sản có trên diện tích 160,3m^2 đất ở tại số AA, đường NTL, phường TP, thành phố BG gồm: Nhà ở phía trước 02 tầng đổ trần, xây năm 1981 trị giá 46.532.000đồng được xác định là di sản thừa kế của cụ R chết để lại. Nhà ở 02 tầng đổ trần, cột bê tông, tầng 3 lợp Tôn trần nhựa xây dựng năm 1988, trị giá 414.677.000đồng, công trình phụ đổ trần, xây năm 1994 trị giá 20.976.000đồng, phần bán mái lợp tôn, xà gồ thép diện tích 25,1m^2 trị giá 7.850.000đồng, tổng trị giá 443.233.000đồng. Xác định đây là tài sản chung hợp nhất của cụ R, ông D và bà E nên mỗi người được hưởng 1/3 trị giá tài sản là 147.744.000đồng. Do vậy cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát cũng như kháng cáo của ông D để sửa án sơ thẩm cụ thể: Sau khi trừ phần tài sản chung hợp nhất cho ông D, bà E mỗi người đươc hưởng trị giá 147.744.000đồng và

400.000.000đồng tiền chi phí cho việc bảo quản di sản thừa kế. Di sản thừa kế của cụ R chết để lại của thửa đất tại số AA, đường NTL, phường TP, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang, diện tích đất là 160,3m^2 trị giá là 4.007.500.000đồng, Nhà ở phía trước 02 tầng đổ trần, xây năm 1981 trị giá 46.532000đồng và phần tài sản chung hợp nhất trên đất trị giá 147.744.000đồng. Tổng giá trị di sản thừa kế của cụ Tạ Thị R là 4.201.766.000đồng - 800.000.000đồng tiền chi phí cho việc bảo quản di sản thừa kế, còn lại: 3.401.766.000đồng.

Hiện tại ông D, bà E đang sinh sống ổn định, do vậy cần giao cho ông D, bà E được sử dụng toàn bộ diện tích đất 160,3m^2 và sử hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất nhưng có trách nhiệm chia di sản thừa kế của cụ R cho ông T, ông K, bà H, bà G bằng tiền mỗi người 680.353.200đồng, bà E 400.000.000đồng tiền chi phí cho việc bảo quản di sản thừa kế. Kỷ phần thừa kế ông T được hưởng, ông T cho ông D, nên ông D được hưởng 2 suất là 1.360.706.400đồng và 400.000.000đồng tiền chi phí cho việc bảo quản di sản thừa kế.

Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát về giải quyết án phí thì thấy: Ông Đào Gia T - sinh năm 1950, ông đào Gia K - sinh tháng 2/1953 và Bà Đào Thị H- sinh ngày 31/3/1955 thuộc diện người cao tuổi. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án thì ông T, ông K, bà H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông K, bà H mỗi người 14.000.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp đều tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố BG.

Về án phí sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm xác định lại kỷ phần thừa kế các đồng thừa kế được chia do vậy án phí sơ thẩm đươc tính lại cụ thể như sau: Bà Đào Thị G phải chịu: 31.214.000đồng. Ông Đào Tiến D phải chịu: 44.410.500đồng.

Căn cứ điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án thì bà Nguyễn Bích E phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Do vậy chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang để sửa án sơ thẩm đối với số tiền án phí mà ông T, ông K, bà H, bà G, ông D, bà E phải chịu.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bà G, ông D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hoàn trả bà G, ông D mỗi người 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp đều tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố BG.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 5 Điều 26, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 214, Điều 215, Điều 674, Điều 675, Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đào Gia K, bà Đào Thị H, bà Đào Thị G (Ông K, bà G do bà H là người đại diện theo ủy quyền).

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đào Tiến D;

Chấp nhận kháng nghị cuả Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang;

Sửa Bản án sơ thẩm;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Đào Gia K, bà Đào Thị H, bà Đào Thị G.

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Tạ Thị R gồm 5 người: ông Đào Gia T, ông Đào Gia K, bà Đào Thị H, bà Đào Thị G, ông Đào Tiến D.

3. Xác định di sản thừa kế của cụ Tạ Thị R chết để lại gồm: Thửa đất tại số AA, đường NTL, phường TP, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang, diện tích đất là 160,3m^2 trị giá: 4.007.500.000đồng, 01 nhà 2 tầng (xây dựng năm 1981) trị giá: 46.532.000đồng và 147.744.000đồng là tiền tài sản sở hữu chung hợp nhất. Tổng giá trị di sản thừa kế là 4.201.766.000đồng.

4. Xác định chi phí cho việc bảo quản di sản thừa kế của vợ chồng anh Đào Tiến D, chị Nguyễn Bích E là: 800.000.000đồng (Anh D 400.000.000đồng, chị E 400.000.000đồng). Tổng giá trị di sản thừa kế sau khi đã trừ chi phí cho việc bảo quản di sản thừa kế còn lại là: 3.401.766.000đồng.

Mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng: 680.353.200đồng.

5. Ghi nhận sự thoả thuận: Ông Đào Gia T cho anh Đào Tiến D kỷ phần thừa kế được chia theo pháp luật là: 680.353.200đồng.

6. Giao cho ông Đào Tiến D được sử dụng 160,3m^2 đất ở và sở hữu toàn bộ tài sản có trên đất tại số AA, đường NTL, phường TP, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang, ông D phải trích chia cho ông Đào Gia K, bà Đào Thị H, bà Đào Thị G mỗi người 680.353.200đồng, bà Nguyễn Bích E 400.000.000đồng.

7. Về án phí: Ông Đào Gia T, ông Đào Gia K và bà Đào Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông K bà H mỗi người 14.000.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số AA/2010/003057 ngày 21/4/2016. Hoàn trả ông K 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2012/06159 ngày 03/4/2017, Hoàn trả bà H 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2012/06161 ngày 03/4/2017 đều tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG.

Bà Đào Thị G phải chịu 31.214.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận bà G đã nộp 14.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, số AA/2010/003057 ngày 21/4/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG. Bà Đào Thị G còn phải nộp 17.214.000 đồng án phí DSST.

Bà Đào Thị G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả bà G 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2012/06160 ngày 03/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG.

Ông Đào Tiến D phải chịu 44.410.500đồng án phí dân sự sơ thẩm.Ông D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông D 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2012/06153 ngày 29/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG.

Bà Nguyễn Bích E không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố BG;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS Thành phố BG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Gia Lương